

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **I. Tên tổ chức công bố thông tin**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai
2. Địa chỉ trụ sở chính: số 138, Khu phố 1, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành Phố Đồng Nai.
3. Mã cổ phiếu: **DND**
4. Sàn giao dịch: UPCOM
5. Điện thoại: 02513 899 886
6. Email: phonghcns.dnc@gmail.com
7. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Anh Điền – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.
8. Loại thông tin công bố:  
☐ Định kỳ      ☐ Bất thường      ☒ 24h      ☐ Theo yêu cầu

### **II. Nội dung thông tin công bố:**

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Vật Liệu Đồng Nai công bố thông tin:

Ngày 15/05/2026, Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Vật Liệu Đồng Nai nhận được bản án số 08/2026/HC-ST của Tòa án Nhân dân Tỉnh Đồng Nai về việc Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai tại đường dẫn: <http://www.vatlieudongnai.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Vt, HC.

#### **\* Tài liệu đính kèm**

Bản án số 08/2026/HC-ST

### **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Anh Điền**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2026/HC-ST**

Ngày: **05 - 02 - 2026**

V/v “*Khởi kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực thuế*”

**ÁN CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT  
ĐỂ THI HÀNH**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Kiều Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Chi

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đình Phi Long - Kiểm sát viên.

Từ ngày 28 tháng 01 năm 2026 đến ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 88/2025/TLST-HC ngày 07/5/2025 về việc: “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 611/2025/QĐXXST-HC ngày 26/11/2025; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 597/2025/QĐ - TA ngày 24/12/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 09/01/2026 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai;

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc Huệ, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Minh Hiền, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện: Chi cục thuế khu vực XV (nay là Thuế tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Toàn Thắng – Trưởng thuế tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Võ Á Vy – Kiểm tra viên Thuế Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và khu khác – Thuế tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 1888/1 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.



- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.  
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Công Khiển – Phó trưởng phòng  
Phòng Khoáng sản và Thủy Lợi, Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Ý kiến của đại diện người khởi kiện:**

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai (viết tắt là Công ty DNC) là doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác tại hai mỏ đá:

Mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, hoạt động theo các Giấy phép khai thác của UBND tỉnh Đồng Nai gồm: Giấy phép số: 2984/QĐ-UBND ngày 12/10/2009, Giấy phép số: 1826/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Giấy phép số: 1184/QĐ-UBND ngày 22/4/2019.

Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai hoạt động theo các Giấy phép khai thác của UBND tỉnh Đồng Nai gồm: Giấy phép số: 2779/QĐ-UBND ngày 04/9/2013, Giấy phép số: 3312/QĐ-UBND ngày 13/10/2016, Giấy phép gia hạn số: 167/GP-UBND ngày 26/6/2020, Giấy phép số: 343/GP-UBND ngày 31/12/2021.

Từ khi được cấp phép khai thác khoáng sản đến năm 2022, Công ty DNC đã nộp đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo các Thông báo nộp tiền của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 25/3/2022, Công ty nhận được Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 và Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm 2014 trở đi đối với mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 và mỏ đá Tân Cang 5.

Ngày 06/4/2022, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành Thông báo nộp tiền số: 23/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06/4/2022 yêu cầu Công ty nộp tiền bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 2.879.959.975 đồng (mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5) và Thông báo nộp tiền số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN&TK ngày 06/4/2022 yêu cầu Công ty nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 29.999.863.736 đồng (mỏ đá xây dựng Tân Cang 5). Do số tiền phải nộp bổ sung của cả 02 mỏ là 32.879.823.711 đồng và phải nộp trong năm 2022 là rất lớn so với tình hình tài chính của Công ty nên ngày 19/7/2022, Công ty cố gắng hết mức để nộp số tiền bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 17.600.000.000 đồng, số tiền phải nộp bổ sung còn lại 15.279.823.711 đồng, Công ty DNC chưa có nguồn tài chính để nộp đủ trong năm 2022.

Căn cứ quy định pháp luật về phương pháp tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và căn cứ Bản án có hiệu lực của Tòa án trong vụ kiện hành chính nêu



trên, Công ty đã tính lại số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty phải nộp cho cả 02 mỏ đá (Thiện Tân 5 và Tân Cang 5) từ năm 2014 trở đi, cụ thể như sau:

### I. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN (2014-2017)

Theo điều 5 Nghị định 203/2013/NĐ-CP, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công

thức sau:

$$T=Q*G*Ki*Kz*R \text{ (đồng)}$$

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

K1 - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác, Khai thác lộ thiên  $K1 = 0,9$

K2 - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn áp dụng theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định, tại Đồng Nai  $K2=1$ ;

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;  $R=4\%$

- Giá tính tiền cấp quyền năm 2014 theo QĐ 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 tỉnh Đồng Nai,  $G=125.000$  đồng/ $m^3$

- Giá tính tiền cấp quyền năm 2015 đến 2018 theo QĐ 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 tỉnh Đồng Nai,  $G=85.000$  đồng/ $m^3$

- Lần nộp năm 2018 nộp trước 5 năm là ngày 12/10/2017 (số tiền cấp quyền năm 2018 nộp trong năm 2017 theo QĐ tại khoản 2, điều 11, NĐ 203/2013/NĐ-CP)

- Mức thu tiền cấp quyền năm 2018 là  $R=3\%$  (theo NĐ 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 có hiệu lực 15/01/2017)

### II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN (2019-2025)

Theo điều 5 Nghị định 67/2019/NĐ-CP, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức sau:

$$T=Q*G*Ki*Kz*R \text{ (đồng)}$$

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Theo Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 thì:  $G=G_{tn} * K_{qd}$ ; trong đó:

$G_{tn}$ : là giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh ban hành có hiệu lực tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

$K_{qd}$ : là hệ số quy đổi, đối với khoáng sản không kim loại  $K_{qd}=H_n$  (hệ số nở ròi)



Theo Phụ lục C - Bảng C1, Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 4447 : 2012 thì hệ số nở rời đá xây dựng  $H_n=1,475$ ; đất san lấp  $H_n=1,21$ .

K1 - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác, Khai thác lộ thiên  $K1 = 0,9$

K2 - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn áp dụng theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định, tại Đồng Nai  $K2=1$

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;  $R= 3\%$  (theo Phụ lục 2, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016).

Gtn: năm 2019,2020 Giá nguyên khai theo QĐ 43/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 tỉnh Đồng Nai,  $G_{tn}=85.000$  đồng/ $m^3$

Gtn: 2021-2025 Giá nguyên khai theo QĐ 16/2021/QĐ-UBND ngày 30/3/2021,  $G_{tn}=90.000$  đồng/ $m^3$

III. TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ ĐÁ THIÊN TÂN 5 Giấy phép khai thác khoáng sản số 2779/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 thời hạn khai thác 02 năm 4 tháng kể từ ngày 05/7/2013. Trong đó, trữ lượng đá xây dựng  $1.242.619m^3$  (nguyên khối), sét gạch ngói  $259.084m^3$  (nguyên khối).

Năm	Loại khoáng sản	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo quy định pháp luật	Số tiền truy thu sai quy định pháp luật
2014	Đá xây dựng	8.248.883.613	5.591.785.500	2.656.098.113
	Sét gạch ngói	1.082.867.486	839.432.160	243.435.326
Tổng		9.330.751.099	6.431.217.660	2.899.533.439

#### IV. TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ ĐÁ TÂN CANG 5

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2984/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 trữ lượng đá xây dựng  $11.143.419m^3$  (nguyên khối), thời hạn khai thác đến ngày 12/10/2023. Trong đó: Trữ lượng đã khai thác đến 31/12/2013 là  $74.688m^3$  (nguyên khối), trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/01/2014 là  $11.068.731m^3$  (nguyên khối).

- Giấy phép khai thác khoáng sản điều chỉnh số 1184/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 trữ lượng đá xây dựng bổ sung  $703.855m^3$ , thời hạn khai thác đến ngày 12/10/2032. Số tiền truy thu sai quy định như sau:



Năm	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo quy định pháp định pháp luật	Số tiền truy thu sai quy định pháp luật
2014	15.305.979.586	10.376.935.313	4.929.044.273
2015	10.408.066.118	7.056.316.013	3.351.750.106
2016	10.408.066.118	7.056.316.013	3.351.750.106
2017	16.652.905.790	9.526.026.617	7.126.879.173
2018	325.983.283.	325.983.283	
2019	325.983.283	325.983.283	
2020	325.983.283	325.983.283	
2021	373.474.005	373.474.005	
2022	373.474.005	373.474.005	
2023	373.474.005	373.474.005	
2024	373.474.005	373.474.005	
2025	280.310.251	280.310.251	
Tổng	55.256.282.448	34.015.593.956	18.759.423.658

Như vậy, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai căn cứ Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 và Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai để ban hành Thông báo nộp tiền số: 23/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022 và Thông báo nộp tiền số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022 để buộc Công ty phải nộp số tiền bổ sung từ năm 2014 đến năm đến năm 2021 là không phù hợp quy định pháp luật và gây thiệt hại cho Công ty 21.658.957.097 đồng. Vào ngày 19/7/2022, Công ty đã nộp số tiền 17.600.000.000 đồng trên số tiền phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 32.879.823.711 đồng, nên ngày 13/9/2023, Công ty có văn bản số: 171/CV-DNC ngày 13/9/2023 kính gửi đến UBND tỉnh Đồng Nai, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đề nghị tính lại số tiền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm năm 2014 trở đi đối với mỏ đá Tân Cang 5 và mỏ đá Thiện Tân 5; số tiền nộp dư, Công ty đề nghị căn trừ vào các khoản phải nộp ngân sách khác để Công ty không bị phong tỏa tài khoản. Tuy nhiên, đơn kiến nghị của Công ty không được giải quyết và Công ty cũng không nhận được văn bản trả lời từ UBND tỉnh Đồng Nai và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Từ ngày 07/12/2023 đến ngày 12/4/2024, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai liên tiếp ban hành các Thông báo tiền thuế nợ và xác định số tiền quá hạn phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế đến ngày 12/4/2024 đối với Công ty DNC là 20.256.378.426 đồng.



Để không bị cưỡng chế nợ thuế, ngày 24/5/2024, Công ty có văn bản số: 103/CV- DNC về đề nghị nộp dần tiền thuế nợ kèm với Thư bảo lãnh số 262/BL-BIDV.DNA ngày 15/5/2024 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. Ngày 25/6/2024, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số: 1466/QĐ- CTDON ngày 25/6/2024 về việc nộp dần tiền thuế nợ. Đến ngày 27/11/2024, Công ty đã nộp đủ số tiền bổ sung 32.879.823.711 đồng theo các văn bản thu thuế của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai gồm: Thông báo nộp tiền số: 23/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022; Thông báo nộp tiền số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022; Thông báo tiền thuế nợ số: 36725/TB-CTDON-KDT ngày 07/12/2023; Thông báo tiền thuế nợ số: 1403/TB-CTDON-KDT ngày 11/01/2024; Thông báo tiền thuế 5665/TB-CTDON-KDT ngày 23/02/2024; Thông báo tiền thuế nợ số: 9971/TB- no số : CTDON-KDT ngày 15/3/2024; Thông báo tiền thuế nợ số: 14990/TB-CTDON-KDT ngày 12/4/2024; Quyết định nộp dần tiền thuế nợ số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25/6/2024.

Ngày 11/12/2024, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai tiếp tục ban hành Thông báo số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11/12/2024 yêu cầu Công ty DNC nộp tiền chậm nộp tiền cấp quyền khoáng sản là 4.858.970.120 đồng. Sau khi Công ty DNC có ý kiến về số tiền chậm nộp thì Cục thuế tỉnh Đồng Nai điều chỉnh lại số tiền chậm nộp là 4.452.714.065 đồng và yêu cầu Công ty DNC nộp ngay vào ngân sách nhà nước nếu không sẽ bị cưỡng chế nợ thuế. Ngày 18/01/2025 và ngày 23/01/2025, Công ty DNC đã nộp đủ số tiền tiền chậm nộp 4.452.714.065 đồng vào ngân sách nhà nước.

Công ty DNC xét thấy, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nợ tiền thuế và tiền chậm nộp tiền thuế đối với số tiền thuế thu sai quy định pháp luật là Cục Thuế tỉnh Đồng Nai chưa làm hết trách nhiệm của cơ thuế quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật quản lý thuế năm 2019, điều luật quy định: “Tổ chức thực hiện quản lý thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan”. Trong khi trước đó, Công ty đã có văn bản kiến nghị số: 171/CV-DNC ngày 13/9/2023 về đề nghị tính toán lại số tiền thuế Công ty phải nộp ngân sách nhà nước theo nhận định của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ để ban hành Quyết định tính lại tiền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 cho HTX B là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của HTX B.

Cục Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành các Thông báo tiền thuế nợ để buộc Công ty DNC phải nộp đủ số tiền bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và số tiền chậm nộp tạm tính là 26.111.671.162 đồng (trong đó: tiền nộp bổ sung là



21.658.957.097 đồng, tiền chậm nộp thuế là 4.452.714.065 đồng) là không đúng quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty DNC.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai khởi kiện Cục Thuế tỉnh Đồng Nai và kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết những yêu cầu sau:

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên huỷ các Quyết định hành chính sau đây của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai gồm:

- Thông báo tiền thuế nợ số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25/6/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về việc nộp dần tiền thuế nợ.

- Thông báo tiền thuế nợ số: 14990/TB-CTDON-KDT ngày 12/4/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo tiền thuế nợ số: 9971/TB-CTDON-KDT ngày 15/3/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo tiền thuế nợ số: 5665/TB-CTDON-KDT ngày 23/02/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo tiền thuế nợ số: 1403/TB-CTDON-KDT ngày 11/01/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo tiền thuế nợ số : 36725/TB-CTDON-KDT ngày 07/12/2023 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 23/TB-CTDON.QLHCDCN & TK ngày 06/4/2022 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Buộc Cục Thuế tỉnh Đồng Nai (nay là Chi cục thuế Khu vực XV) hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai số tiền đã thu không đúng quy định pháp luật tạm tính là 26.111.671.162 đồng (trong đó: tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2017 là 21.658.957.097 đồng, tiền chậm nộp thuế là 4.452.714.065 đồng).

Công ty cam đoan nội dung trình bày trong đơn là đúng sự thật và Công ty cam đoan không đồng thời khiếu nại các văn bản hành chính nêu trên đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

**- Ý kiến của người bị kiện:**

Về thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 35/TB-CTDON.QLHKĐCNTK ngày 06/4/2022 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai:

Căn cứ khoản 3 Điều 13 Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: “13.



Trách nhiệm của cơ quan trong công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như sau:

Cục Thuế địa phương nơi có các khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác chịu trách nhiệm: (2) Thực hiện thông báo nộp tiền gửi tổ chức, cá nhân phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này, quản lý, tổ chức thu, nộp và xử lý những khoản nộp chậm, không nộp, thu nộp thiếu đối với các chính vi phạm hành chính về khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”

Tại khoản 3, Điều 1 Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm năm 2014 trở đi mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai thì tổng số tiền phải nộp sau khi rà soát tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được điều chỉnh năm 2014 đến năm 2015 đã xây dựng là 55.256.282.448 đồng, trong đó, số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 29.999.863.736 đồng.

Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND Đồng Nai: “2. Giao Cục Thuế tỉnh thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm được xác định tại khoản 3, khoản 5 Điều 1 Quyết định này. Thời hạn nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 90 ngày kể từ ngày Cục Thuế tỉnh ban hành Thông báo bổ sung.”

Ngày 25/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai có văn bản số 1815/STNMT-TNN,KS&BĐKHH xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và năm 2022 đối với mỏ đá Tân Cang 5 và Thiện Tân 5. Sở Tài nguyên và Môi trường xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2025 là 55.256.282.448 đồng, số phải nộp từ năm 2014 đến năm 2021 là 53.854.731.182 đồng (trong đó số tiền bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 29.999.863.736 đồng) và số tiền nộp năm 2022 là 373.747.005 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, ngày 06/4/2022 Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nộp tiền số 35/TB-CTDON.QLHKDNC&TK. Số tiền phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là: 29.999.863.736 đồng; hạn nộp 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo. Số tiền phải nộp năm 2022 là: 373.747.005 đồng; hạn nộp là 2 kỳ: Kỳ thứ nhất nộp 50% chậm nhất là ngày 31 tháng 05 năm 2022; Kỳ thứ hai nộp phần còn lại 50% chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2022; Trường hợp người nộp thuế nộp một lần trong năm thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 03 năm 2022.



– Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 23/TB-CTDON.QLHKDNC&TK ngày 06/4/2022 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai:

Tại khoản 3, Điều 1 Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm năm 2014 trở đi mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai thì tổng số tiền phải nộp sau khi rà soát tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được điều chỉnh năm 2014 là 9.330.571.099 đồng (gồm: đá xây dựng là 8.247.883.613 đồng; sét gạch ngói là 1.082.687.486 đồng); trong đó số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 2.879.959.975 đồng.

Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai: “2. Giao Cục Thuế tỉnh thông báo thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm được xác định tại khoản 3 khoản 5 Điều 1 Quyết định này. Thời hạn nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 90 ngày kể từ ngày Cục Thuế tỉnh ban hành Thông báo nộp bổ sung.”

Ngày 25/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai có văn bản số 1806/STNMT-TNN,KS&BĐKH xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và năm 2022 đối với mỏ đá Thiện Tân 5. Sở Tài nguyên và Môi trường xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 là 9.330.571.099 đồng, số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 2.879.959.975 đồng và số tiền nộp năm 2022 là 0 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, ngày 06/4/2022 Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nộp tiền số 23/TB-CTDON.QLHKDNC&TK. Số tiền phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là: 2.879.959.975 đồng; hạn nộp là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo.

Từ những nhận định trên người bị kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

**Người đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trình bày:** Sau khi rà soát hồ sơ và nghiên cứu các quy định pháp luật, báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 và Tân Cang 5 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai, như sau:

1. Về việc mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (nay thuộc phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai) và mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 thuộc xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay thuộc phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai) phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 55, khoản 1 Điều 77 Luật Khoáng sản



năm 2010 quy định tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nhà nước thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thống đầu giá hoặc không đầu giá. Như vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai hoạt động khai thác khoáng sản đá xây dựng tại mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 (theo Giấy phép số 2779/GP-UBND ngày 04/9/2013 và Giấy phép số 343/GP-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai) và tại mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 (theo Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai) phải thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

## 2. Quá trình tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ Thiện Tân 5:

Năm 2013 Có nhân hệ số nở rời (1,475); Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (sau đây viết tắt là Công ty Vật liệu Đồng Nai) được UBND tỉnh cấp Giấy phép số 2779/GP- UBND ngày 04/9/2013 cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu trên diện tích 4,95ha, mức sâu khai thác đến cote -60m, trữ lượng đá xây dựng cấp 121 và cấp 122 là 1.242.619m nguyên khối, thời gian thực hiện dự án 02 năm 4 tháng kể từ ngày 05/7/2013.

Căn cứ Giấy phép số 2779/GP-UBND ngày 04/9/2013 của UBND tỉnh và hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Văn bản số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/07/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Khoa học Công nghệ và Cục Thuế tỉnh thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 tại mỏ đá Thiện Tân 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai, theo đó Công ty Vật liệu Đồng Nai thống nhất nội dung biên bản họp thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 tại mỏ đá Thiện Tân 5 có giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở rời theo TCVN 4447:2012. Căn cứ nội dung biên bản cuộc họp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4232/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 phê duyệt thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 mỏ đá Thiện Tân 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai với số tiền là 934.760.143 đồng (tạm tính cho năm 2013).

Năm 2014: Có nhân hệ số nở rời. Thực hiện Văn bản số 786/ĐCKS-KTĐCKS ngày 19/03/2015 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc phúc đáp công văn số 340/STNMT-KS ngày 28/01/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Hội đồng thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tỉnh Đồng Nai họp thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Thiện Tân 5, theo đó Công ty Vật liệu Đồng Nai thống nhất nội dung biên bản họp thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Thiện Tân 5 có giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở rời theo TCVN 4447:2012. Như vậy Công ty Vật liệu Đồng Nai



thống nhất nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm với số tiền 6.450.791.124 đồng. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 phê duyệt thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Thiện Tân 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai với tổng số tiền là 6.450.791.124 đồng và số lần nộp là 03 lần.

Năm 2021: Ngày 31/12/2021, UBND tỉnh cho phép Công ty Vật liệu Đồng Nai được khai thác mỏ đá Thiện Tân 5 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 5330/GP-UBND, với diện tích hoạt động khoáng sản là 27,77ha (bảo gồm diện tích 4,95ha đã cấp phép theo Giấy phép số 2779/GP-UBND ngày 04/9/2013).

Căn cứ Giấy phép số 5350/GP-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Khoa học Công nghệ và Cục Thuế tỉnh thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2021 tại mỏ đá Thiện Tân 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai có giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở ròi theo TCVN 4447:2012. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 5350/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2021 mỏ đá Thiện Tân 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai với số tiền là 28.184.670.479 đồng cho 08 lần nộp.

3. Quá trình tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ Tân Cang 5:

Năm 2013: Có nhân hệ số nở ròi (1,475).

Công ty Vật liệu Đồng Nai được UBND tỉnh cấp Giấy phép số 2984/GP-UBND ngày 12/10/2009 cho phép khai thác mỏ đá Tân Cang 5 thuộc xã Phước Tân, huyện Long Thành trên diện tích 25,175ha, mức sâu khai thác đến cote - 60m, trữ lượng đá xây dựng cấp 121 và cấp 122 là 11.143.419m nguyên khối, Sở thời gian thực hiện dự án 14 năm kể từ ngày ký.

Căn cứ Giấy phép số 2984/GP-UBND ngày 12/10/2013 của UBND tỉnh TRỰC và hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Tổng cục ĐỒNG Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Văn bản số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/7/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Khoa học Công nghệ và Cục Thuế tỉnh thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 tại mỏ đá Tân Cang 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai, theo đó Công ty Vật liệu Đồng Nai thống nhất nội dung biên bản họp thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 tại mỏ đá Tân Cang 5 có giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở ròi theo TCVN 4447:2012. Căn cứ nội dung biên bản cuộc họp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4232/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 phê duyệt



thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 mỏ đá Tân Cang 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai với số tiền là 2.074.941.435 đồng (tạm tính cho năm 2013).

Năm 2015: Có nhân hệ số nở ròi.

Thực hiện Văn bản số 786/ĐCKS-KTĐCKS ngày 19/03/2015 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc phúc đáp Công văn số 340/STNMT-KS ngày 28/01/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Hội đồng thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tỉnh Đồng Nai họp thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Tân Cang 5, theo đó Công ty Vật liệu Đồng Nai thống nhất nội dung biên bản họp thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Tân Cang 5 có giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở ròi theo TCVN 4447:2012. Như vậy Công ty Vật liệu Đồng Nai thống nhất nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm với số tiền 3.620.196.911 đồng 4210/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 phê duyệt thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Tân Cang 5 của Công ty Vật liệu Đồng Nai với tổng số tiền 1 49.958.717.369 đồng và số lần nộp là 14 lần.

Năm 2016:

Ngày 29/01/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 333/QĐ-UBND về việc điều chỉnh quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Thiện Tân 5 với tổng số tiền là 49.958.717.369 đồng và số lần nộp là 14 lần.

Năm 2018: Có nhân hệ số nở ròi theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2017) và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ( có hiệu lực từ ngày 30/11/2017).

Ngày 09/5/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Tân Cang 5 theo quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường với tổng số tiền phải nộp từ 2018 trở đi là 21.449.668.536 đồng.

Năm 2019: Có nhân hệ số nở ròi theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2017) và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ( có hiệu lực từ ngày 30/11/2017).

Ngày 20/8/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2605/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ bổ sung đá Tân Cang 5 theo quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường với tổng số tiền phải nộp bổ sung 2.382.637.157 đồng.

Năm 2022: Tính lại tiền cấp quyền từ năm 2014 trở đi tại mỏ Tân Cang 5:



Qua kết luận của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Đồng Nai, kiểm toán Nhà nước đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tính toán lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 với giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bằng với giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở ròi.

Trên cơ sở kết luận của Kiểm toán Nhà nước, UBND tỉnh có Văn bản số 2181/UBND-KTN ngày 04/3/2021 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017. Ngày 26/3/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 1391/BTNMT-ĐCKS hướng dẫn việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân với hệ số nở ròi theo TCVN 4447:2012, đồng thời, giá tính thuế tài nguyên khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh xây dựng, công bố và tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn hiệu lực (theo Điều 7 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ). Như vậy, giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến nay được xác định theo quyết định phê duyệt bảng giá tính thuế tài nguyên, cụ thể như sau:

\* Theo Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh: Giá tính thuế đá xây dựng: 125.000 đồng/m<sup>3</sup>;

Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 28/11/2011 và hết hiệu lực vào ngày 01/11/2018. Tuy nhiên, có 03 loại khoáng sản đá xây dựng, cát các loại, sét gạch ngói từ ngày 13/7/2014 được điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND tỉnh, Giá tính thuế đá xây dựng: 85.000 đồng/m<sup>3</sup>;

\* Theo Quyết định 43/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2018 (thay thế Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh), Giá tính thuế đá xây dựng: 85.000 đồng/m<sup>3</sup>;

\* Theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2020 (thay thế Theo Quyết định 43/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018), Giá tính thuế đá xây dựng: 90.000 đồng/m<sup>3</sup>;

\* Theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2021 (Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020), Giá tính thuế đá xây dựng: 90.000 đồng/m<sup>3</sup>;

Ngày 18/3/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 690/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm năm 2014 trở đi mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với tổng số tiền 55.256.282.448 đồng.

4. Kết luận và kiến nghị:



Những quyết định cấp phép khai thác khoáng sản cho phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá Thiện Tân số 5 và Tân Cang 5 cho Công ty Vật liệu Đồng Nai được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ những quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai khoáng đối với Công ty Vật liệu Đồng Nai, việc ban hành các quyết định phê duyệt cấp quyền khai khoáng của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các năm 2014 (tạm tính), 2015 và 2018 hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành. Trong quá trình thực hiện, thấy có vướng mắc nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kiến nghị đến Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư) hướng dẫn công thức tính tiền cấp quyền khai khoáng sản. Khi thực hiện tính tiền cấp quyền khai khoáng cho Công ty Vật liệu Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng các công thức tính toán được quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên sau đó, kết luận của Kiểm toán nhà nước cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tính tiền khai khoáng sai cho doanh nghiệp nên Ủy ban đã xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 26/03/2021 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành công văn hướng dẫn số 1391/BTNMT-ĐCKS hướng dẫn cách tính tiền cấp quyền khai khoáng phải áp dụng hệ số nỗ lực nhân cho giá tính thuế tài nguyên. Trên cơ sở hướng dẫn này, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tính toán lại toàn bộ tiền cấp quyền khai khoáng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai trên cơ sở các Nghị định cũ và vận dụng thêm các quy định của Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và Tiêu chuẩn Quốc gia số 4447:2012.

Mặt khác, theo điểm a khoản 2 điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 quy định thời hiệu khởi kiện:

“a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”;

Trong trường hợp này, các Quyết định của UBND tỉnh ban hành về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm năm 2014 trở đi mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 và mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 đã quá thời gian quy định thời hiệu khởi kiện.

Từ cơ sở trên, kính đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Vật liệu Đồng Nai.

***Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:***  
Về các quyết định hành chính bị kiện, Thuế tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng quy



định của pháp luật; trên cơ sở Quyết định 678, 690/QĐ-UBND cùng ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Thuế tỉnh Đồng Nai mới ban hành các Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Quyết định về việc nộp dần thuế nợ và Thông báo tiền thuế nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu thuế.

***Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên hủy các thông báo và Quyết định hành chính sau:

- Quyết định số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về việc nộp dần tiền thuế nợ. (bút lục số 156)

- Thông báo tiền thuế nợ số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 163)

- Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 23/TB-CTDON.QLHCDCN & TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. (bút lục số 142)

- Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 148)

- Thông báo tiền thuế nợ số : 36725/TB-CTDON-KDT ngày 07 năm 12 tháng 2023 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 149)

- Thông báo tiền thuế nợ số: 1403/TB-CTDON-KDT ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 150)

- Thông báo tiền thuế nợ số: 5665/TB-CTDON-KDT ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 151)

- Thông báo tiền thuế nợ số: 9971/TB-CTDON-KDT ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 153)

- Thông báo tiền thuế nợ số: 14990/TB-CTDON-KDT ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; (bút lục số 155)

- Quyết định và thông báo nêu trên là hoàn toàn đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Cục Thuế tỉnh Đồng Nai theo quy định pháp luật.

- Ngày 19 tháng 12 năm 2025 Kiểm sát viên đã Yêu cầu “Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ” đối với Quyết định số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc nộp dần tiền thuế nợ và Thông báo tiền thuế nợ số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Thuế tỉnh Đồng Nai do đó phiên tòa ngày 24 tháng 12 năm 2024 tạm ngừng phiên tòa để thực hiện Yêu cầu của Viện kiểm sát.



Sau khi Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ gửi cho viện kiểm sát vào ngày 09 tháng 01 năm 2026 và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Thông báo tiền thuế nợ số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Thuế tỉnh Đồng Nai. Có nội dung: “Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Vật Liệu Đồng Nai chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 4.858.970.120 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2024 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2024 là: 4.858.970.120 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng).

Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 11 năm 2024 là: 1.209.132.690 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2024 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2024 là: 1.209.132.690 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng);

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 4.841.357.524 đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước. Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ...”

Tuy nhiên tại biên bản làm việc xử lý nợ thuế ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa: Cục Thuế tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai xác định số tiền chậm nộp tiền khai thác khoáng sản đề nghị giảm trên hệ thống TMS chạy sai và số tiền chậm nộp điều chỉnh giảm 406.256.055đ trên tổng số tiền là 4.452.714.065đ; Phòng QLN&CCNT lập thủ tục chuyển đến Phòng KK&KTT Thuế tỉnh Đồng Nai để tiến hành điều chỉnh số tiền chậm nộp do lỗi hệ thống TMS.

Do đó dẫn đến những thông báo trước thông báo này bị khởi kiện điều bị lệch số tiền chậm nộp thuế cũng như Quyết định số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Thuế Đồng Nai bị sai.

Công văn số 9568/DON-CNTK ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc báo cáo theo yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai của Thuế tỉnh Đồng Nai xác định những thông báo số tiền chậm nộp do lỗi hệ thống TMS.

Từ những phân tích trên cho thấy việc xác định tính thuế nộp chậm của Thuế tỉnh Đồng Nai sai do hệ thống TMS và số tiền chậm nộp điều chỉnh giảm



406.256.055đ nên việc yêu cầu của người khởi kiện Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai là có căn cứ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Người đại diện theo pháp luật của Thuế tỉnh Đồng Nai có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

- Về các Quyết định hành chính bị kiện:

Thông báo tiền thuế nợ số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25/6/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về việc nộp dần tiền thuế nợ.

Thông báo tiền thuế nợ số: 14990/TB-CTDON-KDT ngày 12/4/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Thông báo tiền thuế nợ số: 9971/TB-CTDON-KDT ngày 15/3/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Thông báo tiền thuế nợ số: 5665/TB-CTDON-KDT ngày 23/02/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Thông báo tiền thuế nợ số: 1403/TB-CTDON-KDT ngày 11/01/2024 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Thông báo tiền thuế nợ số: 36725/TB-CTDON-KDT ngày 07/12/2023 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;

Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai;

Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 23/TB-CTDON.QLHCDCN & TK ngày 06/4/2022 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

- Về Quyết định hành chính có liên quan: Quyết định 678/QĐ-UBND và Quyết định 690/QĐ-UBND cùng ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Về thời hiệu khởi kiện: Các quyết định hành chính bị kiện vẫn còn đang trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị kiện và hình thức các quyết định và các thông báo về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo đúng quy định.



[3] Về đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan số 678 và 690/QĐ –UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản tại 02 Mỏ đá xây dựng gồm:

Mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa nay là phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai; hoạt động theo Giấy phép số: 2984/QĐ-UBND ngày 12/10/2009 trữ lượng đá xây dựng 11.143.419m<sup>3</sup> (nguyên khối), thời hạn khai thác đến ngày 12/10/2023. Trong đó: Trữ lượng đã khai thác đến ngày 31/12/2013 là 74.688m<sup>3</sup> (nguyên khối), trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/01/2014 là: 11.068.731m<sup>3</sup> (nguyên khối). Giấy phép khai thác khoáng sản điều chỉnh số: 1184/QĐ-UBND ngày 22/4/2019, trữ lượng đá xây dựng bổ sung: 703.855m<sup>3</sup>, thời hạn khai thác đến ngày 12/10/2032.

Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu nay là phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 2779/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 thời hạn khai thác 02 năm 4 tháng kể từ ngày 05/7/2013. Trong đó, trữ lượng đá xây dựng 1.242.619m<sup>3</sup> (nguyên khối), sét gạch ngói: 259.084m<sup>3</sup> (nguyên khối).

Theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản “*Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng, công bố và tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn hiệu lực*”.

Thời điểm này việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai đang áp dụng theo giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 thì giá tính thuế tài nguyên đá xây dựng nguyên khai là 125.000 đồng/m<sup>3</sup>. Trên cơ sở các quy định pháp luật nêu trên, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại Mỏ đá xây dựng Tân Cang 5 và Quyết định 678/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 đều bổ sung từ năm 2014-2021.

Thực hiện Kết luận của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán ngân sách Nhà nước tại Đồng Nai năm 2019, trong đó đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai phải thực hiện nhân hệ số nở ròi vào giá tính thuế tài nguyên khi xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn năm 2014 đến năm 2017 theo Điều 7 Nghị Định 203/2013/NĐ-CP ngày 18/11/2013 của Chính phủ; Ý kiến trả lời của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/3/2021 về việc hướng dẫn xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai



đoạn năm 2014 đến năm 2017 được xác định là giá tính thuế tài nguyên nhân hệ số nở ròi theo TCVN 4447:2012. Tháng 3/2022, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND và Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm 2014 trở đi đối với mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 và mỏ đá Tân Cang 5. Ngày 25/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai có văn bản số: 1806/STNMT-TNN,KS&BĐKH và 1815/STNMT-TNN,KS&BĐKH về việc xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2021 và năm 2022 đối với mỏ đá Thiện Tân 5 và Tân Cang 5. Trên cơ sở đó, Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nộp thuế số 23 và 35/TB-CTDO.QLHKDCN&TK ngày 06/4/2022 về thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Theo đó số tiền phải nộp sau khi điều chỉnh (có nhân hệ số nở ròi) như sau:

- Mỏ đá Thiện Tân 5: Tổng số tiền phải nộp sau khi điều chỉnh năm 2014 là 9.330.751.099 đồng gồm đá xây dựng là 8.247.883.613 đồng; sét gạch ngói là 1.082.867.486 đồng, trong đó số tiền nộp bổ sung năm 2014 đến năm 2021 là 2.879.959.975 đồng.

- Mỏ đá Tân Cang 5: Tổng số tiền phải nộp sau khi điều chỉnh năm 2014 đến năm 2025 đá xây dựng là 55.256.282.448 đồng, trong đó, số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 29.999.863.736 đồng.

Do số tiền phải nộp bổ sung của cả 02 mỏ là 32.879.823.711 đồng và phải nộp trong năm 2022 là rất lớn so với tình hình tài chính của Công ty nên ngày 19/7/2022, Công ty cố gắng hết mức để nộp số tiền bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 17.600.000.000 đồng, số tiền phải nộp bổ sung còn lại 15.279.823.711 đồng, Công ty DNC chưa có nguồn tài chính để nộp đủ trong năm 2022.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng, khi ban hành Quyết định số 678 và 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 tính tiền khai thác khoáng sản cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai đã tính toán đúng hướng dẫn của Nghị định số 203. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành văn bản báo cáo và đề nghị Bộ Tài Nguyên và Môi trường giải thích và đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn để có căn cứ pháp lý áp dụng nhân hệ số nở ròi vào công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Cụ thể là văn bản số 1014/ĐCKS-KTCKS ngày 09/7/2014, Văn bản 10848/UBND-CNN ngày 14/11/2016; ngày 14/02/2017 Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành văn bản số 550/BTNMT-ĐCKS trả lời, trong đó có nội dung Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng Thông tư hướng dẫn, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng quy định hiện hành để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong khi chờ đợi. Khi chưa có Thông tư hướng dẫn, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành văn bản số 10002/UBND-CNN ngày



25/10/2016 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục thực hiện công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng theo quy định tại Điều 7 và Điều 11 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ; như vậy UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp hoạt động. Nhìn chung nội dung văn bản chỉ đạo này của UBND tỉnh phù hợp với nội dung văn bản trả lời số 550/BTNMT-ĐCKS của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Bộ Tài Nguyên và Môi trường sau đó không ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ. Ngày 29/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản có hiệu lực từ ngày 15/01/2017, thay thế nghị định 15/2012 và đến ngày 16/10/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường mới ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thời điểm này mới có Văn bản quy phạm pháp luật quy định công thức áp dụng cho việc quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên sang giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đến ngày 31/7/2019 Chính phủ ban hành nghị định số 67/2019 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thay thế Nghị định 203 và Thông tư số 38/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ban hành sau đó chỉ làm rõ hơn về cách áp dụng công thức xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP mà vẫn không thay đổi công thức tính.

Tuy nhiên, việc tính toán của Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng với điều 5 của Nghị định 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định và phương pháp tích mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính như sau:  $T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$  trong đó  $Q$  là trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định cụ thể tại điều 6 nghị định 203/2013 có đơn vị tính là  $m^3$ , tấn;  $G$  là giá tính tiền khai thác khoáng sản được quy định tại điều 7 và có đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng; tại văn bản số 572/BTNMT- KSVN ngày 08/2/2023 thể hiện quá trình triển khai nghị định 203 một số tỉnh, thành phố, các tổ chức cá nhân có cách chưa hiểu đúng về cách cấp tiền khai thác khoáng sản;

Tại Điều 11 của Nghị định được quy định “Số tiền mỗi lần nộp” được tính như sau:

*Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực: Lần đầu thu khi có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các lần sau thu hàng năm liên tục (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) và hoàn thành việc thu trước khi giấy phép hết hạn 5 năm. Cụ thể theo công thức như sau:  $Thn = T: (X-4)$ . ( $Thn$  - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp*



hàng năm; đồng Việt Nam; T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp; đồng Việt Nam, X - Số năm khai thác còn lại).

- Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Nghị định này có hiệu lực: Lần đầu thu trước khi cấp Giấy phép khai thác; các lần sau thu hàng năm liên tục (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) và hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép. Cụ thể theo công thức như sau:  $Th_n = 2T : X$ . (Th<sub>n</sub> - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm; đồng Việt Nam; T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp; đồng Việt Nam; X - Tổng số năm được khai thác; năm)

Số tiền nộp từ lần thứ hai phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Cụ thể như sau:  $Th = Th \times Gn : G$  (T<sub>n</sub> - Tiền nộp lần thứ n; đồng Việt Nam; Th<sub>n</sub> - Tiền nộp hàng năm; đồng Việt Nam; Gn - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền lần thứ n; đồng/đơn vị trữ lượng; G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu; đồng/đơn vị trữ lượng);

UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 678 và 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai trong đó ấn định số tiền Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai phải nộp từ năm 2014 đến năm 2025 (nêu lại số tiền phải nộp từ năm 2014 đến năm 2017) và tiền cấp quyền khai thác từ năm 2018 trở đi được áp dụng công thức quy định tại Điều 3 của Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiếp tục nộp số tiền ấn định từ năm 2018 đến hết năm 2021 đầy đủ, đúng quy định.

Tuy nhiên, Ngày 25/3/2022, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai có văn bản số 1815/STNMT –RNNKS và BDKHH xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính tại mỏ đá Tân Cang 5 và mỏ đá Thiện Tân 5 phải nộp từ năm 2014 đến năm 2025 là 55.256.282.448 đồng; số phải nộp năm 2014 đến năm 2021 là 53.854.731.182 đồng trong đó số tiền nộp bổ sung từ năm 2014-2021 là 29.999.863.736 đồng, năm 2022 là 373.47.005đ theo đó đã thay đổi toàn bộ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 bằng công thức tính có nhân hệ số nở ròi quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 và tính lại tiền phải nộp trong năm 2022, 2023 theo công thức tính quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ. Toàn bộ nội dung tính toán của UBND tỉnh Đồng Nai mâu thuẫn với chính quan điểm của UBND tỉnh Đồng Nai thể hiện qua nội dung các văn bản trao đổi giữa UBND tỉnh với Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến vấn đề này. Đồng thời UBND



tỉnh Đồng Nai nêu ba lý do để ban hành Quyết định số 678 và 690/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 đó là Căn cứ vào Công văn hướng dẫn số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/03/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017, trong đó Công văn này dẫn chiếu về Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, theo đó xác định giá tính tiền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền được xác định là giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nhân hệ số nở ròi.

- Căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ lần tiếp theo (năm 2022) trở đi phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Áp dụng công thức tính nhân “Hệ số nở ròi” theo quy định Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:2012 của Bộ Khoa học và Công Nghệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ Công văn Công văn số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/03/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam không phải là văn bản quy phạm pháp luật thuộc loại văn bản hướng dẫn mang giá trị tham khảo; việc tính toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 phải vận dụng đúng các quy định của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: *“Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên”*.

Ngày 29/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật khoáng sản (hiệu lực ngày 15/01/2017). Ngày 16/10/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì mới xuất hiện công thức tính mới là: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản = Giá tính thuế tài nguyên x Hệ số nở ròi; và tại Điều 8 của Thông tư này quy định về hiệu lực thi hành như sau: *“Các Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kể từ ngày Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này”*. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai được cấp các giấy phép khai thác, đã nộp đủ tiền khai khoáng theo Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai từ khi được cấp phép đến năm 2017, và như phân tích ở trên, việc tính tiền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh tại thời điểm năm 2014 đến năm 2017 áp dụng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai hoàn toàn đúng với các qui định tại nghị định số



203/2013/NĐ-CP, không được vận dụng các quy định của Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT để áp dụng cho việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai ở giai đoạn trước đó.

UBND tỉnh Đồng Nai vận dụng công thức tính tiền khai thác khoáng sản quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT để ban hành Quyết định số 678, 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 tính toán lại tiền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai là vi phạm vào điều luật về hiệu lực thi hành của Thông tư này, gây thiệt hại quyền lợi Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.

Thứ hai: UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn Quốc TCVN 4447:2012 để lấy hệ số nở ròi và thêm vào công thức tính quy định tại Điều 11 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ.

Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ, kể cả Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ban hành sau này hoàn toàn không có điều luật nào dẫn chiếu đến Tiêu chuẩn Quốc gia này. Điều 1 của tiêu chuẩn này quy định phạm vi áp dụng là: *“Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu phải tuân theo khi thi công và nghiệm thu công tác đất... khi lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công cũng như khi thiết kế công trình đất phải tuân thủ những quy định của quy chuẩn này”* mà không quy định phải áp dụng cho việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Vì vậy, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng tiêu chuẩn trên là không đúng đối tượng.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ có hiệu lực ngày 15/9/2019 để tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 là không đúng. Tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định quy định: *“Đối với Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật sẽ tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được ban hành. Trường hợp có sự điều chỉnh Giấy phép khai thác thì Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được áp dụng theo quy định của Nghị định này”* và khoản 2 Điều 15 quy định: *“Trường hợp các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định Nghị định này làm cho tổ chức, cá nhân phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cao hơn khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP”*.

Đối chiếu quy định này vào trường hợp của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai thấy, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản Giấy phép số: 2984/QĐ-





UBND ngày 12/10/2009 trữ lượng đá xây dựng 11.143.419m<sup>3</sup> (nguyên khối), thời hạn khai thác đến ngày 12/10/2023. Trong đó: Trữ lượng đã khai thác đến ngày 31/12/2013 là 74.688m<sup>3</sup> (nguyên khối), trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/01/2014 là: 11.068.731m<sup>3</sup> (nguyên khối). UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số 4210/QĐ-UBND ngày 25/12/2015.

- Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5: Giấy phép khai thác khoáng sản số: 2779/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 thời hạn khai thác 02 năm 4 tháng kể từ ngày 05/7/2013. Trong đó, trữ lượng đá xây dựng 1.242.619m<sup>3</sup> (nguyên khối), sét gạch ngói: 259.084m<sup>3</sup> (nguyên khối). UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số 4211/QĐ-UBND ngày 25/12/2015.

Trên cơ sở các giấy phép khai thác đã cấp, UBND tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các Quyết định số: 678/QĐ-UBND và Quyết định số: 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm 2014 trở đi đối với mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5 và mỏ đá Tân Cang 5 nên không được áp dụng Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ để tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.

Từ những phân tích, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định Quyết định số 678 và 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai mặc dù đã hết thời hiệu nhưng đã vi phạm nghiêm trọng việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của từng giai đoạn tính tiền khai thác khoáng sản áp dụng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai, trên cơ sở đó Chi cục thuế khu vực XV (nay là Thuế tỉnh Đồng Nai) mới ban hành các thông báo thuế và quyết định về việc nộp dần tiền nợ thuế. Do đó, cần hủy cả quyết định liên quan nói trên; đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để hủy quyết định hành chính và các thông báo thuế của Thuế tỉnh Đồng Nai.

Đối với số tiền Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai đã nộp theo chứng từ của Cục thuế; Đề nghị Chi cục thuế khu vực XV (nay là Thuế tỉnh Đồng Nai) chuyển vào tài khoản tạm giữ để tính toán lại căn trừ vào số thuế phía Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai phải nộp, nếu dư hoàn trả lại cho người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên Thuế tỉnh Đồng Nai phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích của người bị kiện tại phiên tòa không phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên không được chấp nhận.



[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 32, 157, 158, 193, 194 của Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Điều 77 của Luật khoáng sản; các Điều 5, 7, 11 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Điều 69 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 và Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bảng giá tối thiểu để tính thuế đối với các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai: Hủy các Quyết định hành chính do Cục thuế tỉnh Đồng Nai (nay là Thuế tỉnh Đồng Nai) ban hành, cụ thể như sau:

- Thông báo tiền thuế nợ số: 55906/TB-CTDON-KDT ngày 11/12/2024;
- Quyết định số: 1466/QĐ-CTDON ngày 25/6/2024 về việc nộp dần tiền thuế nợ;
- Thông báo tiền thuế nợ số: 14990/TB-CTDON-KDT ngày 12/4/2024;
- Thông báo tiền thuế nợ số: 9971/TB-CTDON-KDT ngày 15/3/2024;
- Thông báo tiền thuế nợ số: 5665/TB-CTDON-KDT ngày 23/02/2024;
- Thông báo tiền thuế nợ số: 1403/TB-CTDON-KDT ngày 11/01/2024;
- Thông báo tiền thuế nợ số: 36725/TB-CTDON-KDT ngày 07/12/2023;
- Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 35/TB-CTDON.QLHKDCN & TK ngày 06/4/2022;
- Thông báo nộp tiền về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số: 23/TB-CTDON.QLHCDCN & TK ngày 06/4/2022.

Hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND và 690/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chi cục thuế khu vực XV (nay là Thuế tỉnh Đồng Nai) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai số tiền tạm ứng án



phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001343 ngày 14/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người bị kiện được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh ĐN;
- Đương sự;
- THA DS tỉnh ĐN;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Đinh Thị Kiều Lương**